

## ĐẠI-NAM QUỐC-SỬ DIỄN-CA

Vào đầu thế kỷ thứ 18, chúa Trịnh Căn giao cho một sử quan soạn sách *Thiên-nam ngữ-lục* chép sử nước Việt từ Hồng-bàng đến cuối giai đoạn thuộc nhà Minh, tức là trước khi bắt đầu triều nhà Lê. Thời vua Lê chúa Trịnh, sách vở được khắc bản in nhiều hơn trong những thời kỳ khác, nhất là những sách do các chúa sai làm, đặc biệt chúa Trịnh Căn là người thích văn nôm.

Trải qua hơn 100 năm sau, năm 1855, vua Tự-đức sai sử thần soạn sách sử và cho tìm sách cũ để tra cứu. Một người học trò tỉnh Bắc-ninh dâng một quyển sách sử gọi tên là *Sử-ký quốc-ngữ-ca*, có lẽ là quyển *Thiên-nam ngữ-lục*.

Năm 1858, vua sai sử thần chữa sách sử này và thêm vào đoạn sử thời Lê Trịnh. Các ông Lê Ngô Cát và Trương Phúc Hào được giao cho việc này và soạn ra sách *Việt-sử quốc-ngữ*, lúc ấy là năm 1860. Sau đó có nhiều người nữa nhuận chính, bỏ bớt câu rồi sửa chữa thêm vào thành một quyển gọi tên là *Việt-sử quốc-ngữ nhuận-chính*. Sách này lại được nhuận chính thêm nhiều lần, sách được đổi tên thành ra là *Lịch-đại Nam-sử quốc-âm ca*.

Năm 1865, ông Phạm Đình Toái tự ý đem bản nhuận chính trên mà chữa rất kỹ càng, rút từ 1887 câu xuống còn 1027 câu. Sau đó ông lại đưa ông Phan Đình Thực sửa chữa. Kết quả là sách *Đại-nam quốc-sử diễn-ca*.

### Việc xuất bản *Đại-nam quốc-sử diễn-ca*

Thời vua Tự-đức, bản *Việt-sử quốc-ngữ* tuy có nhưng ít ai để ý tới. Trong *Thực-lục*, không thấy chép việc dâng sách sử-ca lúc soạn xong. Vì sách không được khắc ra cho nên nhiều người nhuận chính. Trong các bản sửa chữa xong, chỉ có bản *Đại-nam quốc-sử diễn-ca* được khắc.

Phạm Đình Toái sau khi sửa chữa sách, định dâng cho vua, nhưng ông bị cách chức. Năm 1870, ông đem sách cho quan Bình-chuẩn Đặng Huy Trứ xem. Ông Trứ xem lấy làm thích, đưa cho hiệu Trí-trung-đường ở Hà-nội khắc in. Trong bản khắc in năm 1870, không nhắc đến ông Phạm Đình Toái. Năm 1873, ông Phạm Đình Toái viết một bài tựa thứ hai và đem in ở phố Nghệ-an. Năm 1881, Trí-trung-đường khắc in lại, và sau này Quảng-thịnh-đường ở Hàng Gai, Hà-nội, cũng khắc in.

Năm 1875, Trương Vĩnh Ký là người đầu tiên đem in sách *Đại-nam quốc-sử diễn-ca* bằng chữ La-tinh. Bản in năm 1875 tại Sài-gòn về sau có ở Thư-viện trường Đông-ngữ ở Paris. Trong bản in bằng tiếng La-tinh năm 1875, Trương Vĩnh Ký dùng bản in năm 1870 vì trong bài tựa ông Trương Vĩnh Ký chỉ nhắc đến tác giả là Lê Ngô Cát chứ không nhắc đến Phạm Đình Toái.

### Sự sửa chữa để thành ra *Đại-nam quốc-sử diễn-ca*

Trong tựa sách, Phạm Đình Toái kể rõ ràng cách ông sửa chữa thay đổi như thế nào để thành ra *Đại-nam quốc-sử diễn-ca*. Ông viết rằng: “Nguyên có 1887 câu, tôi rút ngắn và bỏ khuyết thành 1027 câu. Lấy nguyên-tác chỉ hơn ba trăm câu, trong đó hoặc lấy cả hai vế, hoặc đổi vài ba chữ, hoặc theo ý mà đổi lời, hoặc sửa dọn mà đổi vắn, hoặc lấy vế lục ở câu này, vế bát ở câu kia mà hợp làm một câu. Tóm tắt kê như sau:

Bản của Lê Ngô Cát có	1887 câu
Nay bớt đi thêm vào còn	1027 câu
Trong đó nguyên-tác	396 câu
đổi mới	631 câu

Câu nào dùng nguyên-tác đều có đánh dấu khuyết ở đầu để ghi lấy.”

Mục đích việc làm của ông Phạm Đình Toái là làm sao cho gọn để dễ đọc thuộc lòng và chọn chữ cho câu văn được thanh nhã. Tuy nhiên trong bài tựa cũng như trong sách, ông đều nhắc đến ông Lê Ngô Cát và ghi chú những câu nguyên-tác từ bản sử mà Lê Ngô Cát đã thực hiện.

### **Thân thế của Phạm Đình Toái**

Ông người tỉnh Nghệ-an, huyện Quỳnh-lưu, thôn Quỳnh-đôi. Làng Quỳnh-đôi là một làng nổi tiếng văn học nhất trong nước Việt từ đời Lê trung-hưng. Họ Phạm cũng là một họ có tiếng trong vùng đó.

Phạm Đình Toái là con thứ hai. Ông đậu cử-nhân năm 1842, được bổ làm quan, từ tri-huyện, tri-phủ, án-sát Bình-định, lên chức bố-chánh Sơn-tây và coi việc kho. Ông bị khiển trách vì mất mát của kho, sau này được phục chức làm đến Án-sát Sơn-tây, rồi lại bị cách chức. Ông tìm cách mộ quân đi đánh giặc, được phục chức tri-phủ Lâm-thao năm 1869. Năm sau (1870), ông cáo bệnh về Hà-nội.

Ông hay dịch văn Trung-quốc và thấu hiểu lối ca lục bát trong văn chương Việt-nam. Năm 1886, khi viết bài tựa sách dịch *thiên Nguyệt-lãnh* trong *Kinh Lễ*, ông bàn về “Quốc âm từ điệu”, nghĩa là từ điệu tiếng Việt, ông bàn rất rõ ràng, giải thích đặc điểm của thể lục bát và tán dương thể lục bát một cách rất hùng hồn. Ông viết như sau: “...Đọc chữ vần đuôi về lục thì biết chữ vần lưng về bát, đọc vần đuôi ở câu trước thì biết chữ vần đuôi về lục ở câu sau. Vế này liền vế kia, vần này để vần khác. Tuy có trăm nghìn vế mà vần điệu tiếp tục không cùng, đã tiện cho sự ngâm nga mà lại dễ nhớ. Đó là thể văn tuyệt diệu của nước ta.”

Khen ngợi như thế dường như chưa đủ, ông còn cho thấy sự tiện lợi của thể lục bát. Ông bày tỏ ý nghĩ như sau: “Tao-nhân hào khách mở miệng thành câu, khuê-phụ điền-phu buông lời đúng điệu. Cho đến các khúc ngâm-ngữ ca-đao, các câu trẻ con đùa hát, mà cũng đều tự nhiên đúng thể. Lại có kẻ dùng toàn chữ nho làm bài ca theo thể ấy. Người Trung-hoa tới chơi nước ta lấy đọc thì không ai không khen phục. Như vậy thể ấy dễ dùng cho người ta chẳng phải ít.”

Mặc dù đã từng đọc các bài văn truyện thời trước ông như *Tứ thời khúc*, *Kim Vân Kiều*, *Phan Trần*, nhưng Phạm Đình Toái có chủ ý muốn sử dụng thể lục bát và dùng quốc-âm để đặt thành bài học cho học trò. Ông viết rằng: “Nước ta ở xa về phía nam, âm-ngữ khác Trung-hoa. Kẻ học-trò, nhà thức-già, tuy tập văn-tự Trung-hoa mà nói-nặng ngâm-ca thì không đời bỏ tiếng nước nhà. Há ta lại cho rằng chỉ chữ nho là tao-nhã mà thôi, và chê quốc-âm là thô-bỉ ?”

Trong thời gian dạy học trò và con cháu ở làng Cát-xuyên, huyện Hoàng-hoá, tỉnh Thanh-hoá, ông đã dịch những thiên khúc mắc nhất trong các Kinh, như *Nguyệt-lãnh* trong *Kinh Lễ*, *Thất nguyệt tiểu hung* trong *Kinh Thi*, *Trung-dung dịch quả* ra quốc-âm theo thể lục bát.

Vì ưa chuộng thể lục bát mà ông cho là đặc điểm của thi ca Việt-nam, Phạm Đình Toái đã từng dịch nhiều bài thơ cổ nổi tiếng Trung-hoa như *Qui khứ lai từ*, *Xuân giang thu nguyệt*, *Tương tiến tửu*, v.v... ra lục bát.

Sau đây là bài dịch *Xuân giang thu nguyệt dạ* (Đêm trăng trên sông mùa xuân) của Trương Nhược Hư đã được dịch ra theo thể lục bát:

*Nước xuân sông biển đầy đều,  
Trăng kia trên biển theo chiều nước sinh,  
Sóng trường ngàn dặm long lanh,  
Sóng xuân đâu chẳng trăng thanh ấy mà !*

...

Đình Toái cũng có một số sáng tác bằng lục bát như bài ca ông làm cho con hát trong mấy bữa tiệc đãi những người lạc quyên ở phủ Lâm-thao năm 1868.

*Ngoài hiên tơ trúc dập dình,  
Tiếng ca cao thấp, chén quỳnh đầy vơi.  
Lòng chiều đợi giọng khuyên mời,  
Giọt ơn hòa với mùi đời cũng say.  
Lạt nồng là thói xưa nay,  
Cùng nhau gọi một chén này làm ghi.  
Mời hay thiên tải nhất kỳ,  
Rồi ra ắt cũng có khi trùng phùng.*

Dựa theo những tài liệu cũ thì Phạm Đình Toái còn để lại những thơ văn như sau:

1. *Đường-thi diễn-âm*
2. *Quốc-âm diễn-ca* (gồm những bài *Qui khứ lai từ, Xuân giang hoa nguyệt dạ, Tương tiến tửu, Tiết-phụ ngâm, Diên gia tạp hứng, Chính khí ca*)
3. *Quốc-âm từ-điệu* là tựa của bốn quyển: *Nguyệt-lãnh diễn-ca, Thát-Nguyệt diễn-ca, Tiểu-nhung diễn-ca, Nhật-khắc trường đoản ca*
4. *Trung-dung diễn-ca*
5. *Dịch-quải diễn-ca*
6. *Đại-nam quốc-sử diễn-ca*
7. *Nhị-thánh cứu kiếp chân kinh diễn-ca*
8. *Quỳnh-lưu tiết-phụ truyện* (chữ nhỏ)

Tham khảo: *Đại-Nam Quốc-sử Diễn-ca*, Hoàng Xuân Hãn tựa và dẫn, 1949.

=

Ngô Thị Quý Linh sưu tầm  
2013